

# CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM TẠI BIỂN ĐÔNG QUA TƯ LIỆU KHẢO CỔ HỌC

Lại Văn Tới\*

Một thời và cho đến nay vẫn có người coi Việt Nam trong phạm vi ảnh hưởng của văn minh Trung hoa, dân tộc Việt Nam có cội nguồn đầu đó ở bên Tàu, hay xếp tiếng Việt vào ngôn ngữ Hán-Tạng hoặc chỉ là một nhánh *man* của gốc Hán<sup>1</sup>. Nói một cách khác, họ phủ nhận sự hiện hữu của nền văn hoá và văn minh Việt Nam.

Thành tựu nghiên cứu khoa học nhân văn đến nay buộc những người có cách hiểu sai lầm về văn hoá, văn minh Việt Nam phải suy ngẫm lại và thay đổi quan điểm đơn giản và nhận thức phiến diện của họ. Tiếng Việt và tiếng Mường có một nền tảng Môn - Khmer, gần gũi tiếng Thái - Tày và tiếng Indonesien trong gia đình ngôn ngữ phương Nam<sup>2</sup>. Những chứng cứ vật chất khai quật được từ lòng đất đã chứng minh quá khứ hàng vạn năm cội nguồn dân tộc Việt Nam. Nghiên cứu văn hoá Hoà Bình - Bắc Sơn, khúc dạo đầu của cách mạng nông nghiệp xảy ra trên toàn vùng Đông Nam Á cách ngày nay trên một vạn năm, cho biết nông nghiệp là khởi đầu của các nền văn minh nhân loại bên các dòng sông lớn, trong đó có sông Hồng ở Việt Nam. Một nền văn minh Đông Sơn được phát hiện, tồn tại hàng ngàn năm trước Công nguyên hay nói cách khác là văn minh Sông Hồng với nhà nước Văn Lang thời các Vua Hùng đã khẳng định sự hình thành dân tộc Việt cùng với nhà nước và nền văn hoá, văn minh bản địa.

Theo cách nhìn địa-văn hoá, Việt Nam có tính chất bán đảo-nơi tiếp nhận và hội nhập cả ảnh hưởng của lục địa lẫn ảnh hưởng của hải đảo. Bản sắc văn hoá ấy được phản ánh trong huyền thoại khởi nguyên luận của người Việt là “con rồng cháu tiên”. Yếu tố bản địa và yếu tố biển còn thể hiện đậm nét trong lịch sử-văn hoá Việt Nam xuất phát từ định hướng biển đến việc khai thác sản vật biển, định cư và làm chủ tại các đảo ven bờ và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên Biển Đông.

## DẤU TÍCH CỦA NGƯỜI VIỆT CỔ TRÊN LÃNH THỔ VÀ LÃNH HẢI VIỆT NAM

### 1. Cư dân thời tiền-sơ sử vùng ven biển Việt Nam

Việt Nam nằm ở phía đông của bán đảo Đông Dương, nên những tác động của biển đã thấm dẫm vào nền văn hoá tiền-sơ sử, đã trở thành nhân tố hữu cơ của cơ cấu văn hoá Việt. Trong ba không gian văn hoá-xã hội Việt cổ: miền ven biển, miền châu thổ và miền núi, yếu tố biển trong không gian văn hoá biển thể hiện ở truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ; miền chân núi với địa hình bị chia cắt hình thành nhiều sông, suối thì tính sông nước được coi là đặc trưng của văn hoá Việt. Các di chỉ khảo cổ học tiền-sơ sử đều phân bố bên các bờ sông, bờ đầm hay bờ biển.

Những kết quả nghiên cứu đến nay cho thấy, cư dân cổ trên các vùng đất ven biển Việt Nam đã làm quen môi trường biển và khai thác các nguồn lợi hải sản từ rất sớm. Bằng chứng của quá trình chiếm lĩnh và chinh phục biển là sự có mặt của nhiều

\* PGS.TS. Chi bộ Viện Nghiên cứu Kinh thành

<sup>1</sup> Đào Duy Anh: *Nguồn gốc dân tộc Việt Nam*, Hà Nội, 1957; Tạ Đức, 2014: *Nguồn gốc người Việt Mường*. Nxb Thế giới, Hà Nội.

<sup>2</sup> Trần Quốc Vương, Hà Văn Tấn, 1960: *Lịch sử chế độ cộng sản nguyên thủy ở Việt Nam*, Hà Nội.

di tích khảo cổ học trong vùng. Các di tích khảo cổ học không những nhiều về số lượng mà còn đặc biệt phong phú về loại hình và đã làm lên các nhóm di tích vừa mang tính địa phương vừa thể hiện mối liên hệ chặt chẽ giữa các vùng văn hóa trong khu vực. Có thể hệ thống thành các nhóm di chỉ khảo cổ học như sau:

*Hệ thống các di tích ven biển* gồm các di tích khảo cổ học phân bố trên đất liền ven biển, nét đặc trưng thường thấy ở trong hệ thống các di tích này là tính chất định cư “lưng tựa sơn, mặt hướng thủy”. Điều này đã phần nào phản ánh sự hòa hợp cùng với môi trường tự nhiên của người xưa ngay từ thời chinh phục biển sơ khai. Để có thể sống cùng với biển, người xưa trong khu vực đã lựa chọn nơi định cư của mình trên các cồn - gò cát hay các thềm núi đất ngay sát bờ biển. Đó chính là những khu vực vừa thuận lợi cho đánh bắt cá, khai thác thủy hải sản ven bờ vừa triển khai các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Với các di tích tiêu biểu là Xóm Cồn, Bình Yên, Long Thạnh...

Đặc trưng thứ hai trong nhóm các di tích này là tồn tại đan xen về loại hình di tích, mà nổi bật là táng thức bằng chum-vò gốm. Những chiếc chum này có kích thước lớn, được chế tác với kỹ thuật cao, chúng vừa là vật dùng để chứa nước ngọt và vừa có thể là quan tài chôn người chết. Vùng ven biển nước ta đã tìm thấy khá nhiều các di chỉ khảo cổ vừa là nơi cư trú vừa là mộ táng. Điều này phần nào đã phản ánh quan niệm sống-chết và mối gắn kết giữa các con người trong cộng đồng cư dân khu vực.

Niên đại chung cho hệ thống các di tích này khoảng từ 4.500 năm đến 3.500 năm cách ngày nay.

*Hệ thống các di tích trên các đảo ven biển ở Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ* đều phát hiện được các di tích khảo cổ học từ thời tiền-sơ sử đến lịch sử. Ở Bắc Bộ, tiêu biểu là hệ thống các di tích ven biển Đông Bắc ở Hải Phòng (Tràng Kênh, Cát Bà), Quảng Ninh với văn hoá Hạ Long nổi tiếng. Vùng Trung và Nam Trung Bộ tiêu biểu là các di tích: Bãi Ông (Cù Lao Chàm, tỉnh Quảng Nam); Xóm Ốc, Suối Chình (đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi); Hòn Tre (tỉnh Khánh Hòa); di tích khảo cổ học trên đảo Phú Quý (tỉnh Bình Thuận).

Tầng văn hóa các di tích trên, ngoài các công cụ lao động chuyên dùng trong sản xuất nông nghiệp trên đất liền còn thấy đậm đặc những công cụ lao động dành cho nghề đi biển và đánh bắt thủy hải sản. Bên cạnh đó, trong nhiều di chỉ, các nhà khảo cổ học còn phát hiện thấy một số lượng lớn các công cụ sản xuất, đồ trang sức được làm từ xương động vật biển, từ vỏ ốc hay xương rùa biển với kỹ thuật tinh xảo và độc đáo. Chứng tỏ đối với họ, biển cả giờ đây không chỉ là nơi cung cấp thực phẩm hàng ngày còn là nơi cung cấp những sản phẩm làm đẹp cho con người. Điều lưu ý nữa là trong hệ thống các di tích này đã phát hiện những hiện vật do giao lưu, trao đổi mà có, đồng thời cũng có khá nhiều các đồ trang sức, đồ dùng đẹp được làm tại chỗ bởi các cơ sở chuyên nghiệp và là sản phẩm đã được dùng để giao lưu trao đổi. Nghĩa là theo sự phân bố của các sản phẩm này, chúng ta có thể hình dung được mạng lưới giao lưu thương mại trên biển thời kỳ này đã khá phát triển, khoảng cách trao đổi giữa các khu vực khá lớn.

Niên đại của hệ thống di tích này trong khoảng từ 4.000 năm đến 3.000 năm cách ngày nay.

Tiêu biểu cho hệ thống các di tích trên các đảo Đông và Tây Nam Bộ là các di tích ở Côn Đảo (Bà Rịa-Vũng Tàu); trên đảo Thổ Chu, Hòn Tre và Phú Quốc (Kiên Giang). Nhóm các di tích này có niên đại khoảng từ 3.500 năm đến 2.500 năm cách

ngày nay. Đặc trưng chung của hệ thống các di tích này là trên mỗi đảo các di tích phân bố không riêng lẻ mà thường tập trung thành nhóm với những nét văn hóa tương đồng mang tính kết nối nhau. Chứng tỏ đây đã là địa bàn cư trú khá lâu dài của nhiều cộng đồng cư dân có mối liên hệ gần gũi nhau. Tương tự như các di tích ven biển khác, tầng văn hoá các di tích này xuất lộ di tích mộ táng, bếp lửa và ken dày di vật đá, gốm và đặc biệt là thu được nhiều di vật bằng xương động vật, nhuyễn thể biển cùng các dụng cụ đi biển. Đây là những chứng cứ cho thấy sự gắn bó chặt chẽ mật thiết trong đời sống vật chất, đời sống tinh thần của cộng đồng cư dân cổ trên đất liền và hải đảo Việt Nam. Ngoài ra, trong nhiều di chỉ còn tìm thấy khuôn đúc đồng và dấu vết của nghề luyện kim. Điều lưu ý là những điểm khai thác nguyên liệu làm khuôn đúc và các mỏ quặng thường ở trên các đảo cách nhau rất xa, thậm chí đến gần 100km. Nghĩa là để có các sản phẩm kim loại ngoài những kỹ năng tinh xảo về nghề luyện kim, người xưa ở đây đã có một trình độ đi biển rất cao.

Bên cạnh đó, chúng ta đã phát hiện, khai quật và nghiên cứu một số di tích khảo cổ học trên các đảo thuộc quần đảo Trường Sa, như: Trường Sa Lớn, Nam Yết, Song Tử Tây, Sơn Ca,... Bộ sưu tập hiện vật thu được từ các di tích này khá nhiều và với sự hiện diện của những mảnh gốm thô văn hóa Sa Huỳnh, những đồ gốm tráng men tiêu biểu của thời Trần, thời Lê hay các đồng tiền thời Nguyễn và các di tích bếp lửa, đã cho chúng ta những bằng chứng quan trọng về sự có mặt liên tục của người Việt Nam trên các quần đảo ngoài khơi xa này<sup>3</sup>.

## 2. Các di tích thời tiền-sơ sử tiêu biểu

*Huyện đảo Côn Đảo (Bà Rịa-Vũng Tàu)* có 14 đảo lớn nhỏ với tổng diện tích 72,82km<sup>2</sup>. Hầu hết diện tích của đảo là núi (88%), địa hình bằng phẳng tập trung ở thung lũng trung tâm, nơi đặt huyện lỵ Côn Đảo.

Khảo cổ học Côn Đảo được biết đến từ những năm 1961-1962 qua phát hiện của E. Saurin ở địa điểm Hàng Dương, sau đó liên tục được điều tra, thám sát và khai quật<sup>4</sup>. Đến nay, đã có 11 di chỉ khảo cổ học được phát hiện và nghiên cứu ở Côn Đảo, trong đó 10 di tích trên đảo lớn Côn Lôn và 1 di tích ở đảo Hòn Cau. Theo tích chất của di tích, có 3 di tích cư trú-mộ táng là Cồn Miếu Bà, Cồn Hải Đăng và Hòn Cau, còn lại đều là di tích cư trú, gồm: Bến Đầm, Hàng Dương, Bàu Sen, Nhà máy nước I, II, III, Cồn Cây Đa I và II. Về niên đại, sớm nhất là di tích Cồn Miếu Bà khoảng thế kỷ 4 đến thế kỷ 2-3 trước Công nguyên, tương đương với giai đoạn phát triển của văn hóa

---

<sup>3</sup> Hà Văn Tấn, 1996: Nhận xét về kết quả các chương trình khảo cổ học Trường Sa, Tây Nguyên, Nam Bộ. *Khảo cổ học*, số 4, tr. 5-10.

<sup>4</sup> Diệp Đình Hoa, 1979: Bước đầu điều tra khảo cổ học ở Phú Quốc Kiên Giang). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1979*, Hà Nội, tr. 73-74; Diệp Đình Hoa, 1979a: Điều tra Côn Đảo. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1979*, Hà Nội, tr. 71-72; Nguyễn Trung Chiến, Lại Văn Tới, 1996: Điều tra khảo cổ học một số đảo ven bờ phía nam. *Khảo cổ học*, số 4, tr. 27-40; Nguyễn Trung Chiến, Đào Quý Cảnh, 1998: Khai quật địa điểm Bãi Ngự, Bãi Dong trên đảo Thổ Chu, Phú Quốc, Kiên Giang. *Khảo cổ học*, số 2/2000, tr. 28-42; Nguyễn Trung Chiến, Đào Quý Cảnh, 2000: *Báo cáo khai quật địa điểm Hòn Cau và phát hiện mới tại Côn Đảo, Bà Rịa - Vũng Tàu* (năm 2000). Tư liệu Viện Khảo cổ học.

Sa Huỳnh trong đất liền<sup>5</sup>, tiếp đến là di chỉ Cồn Hải Đăng với hai khu vực cư trú và mộ táng, niên đại ước khoảng 1 hoặc 2 thế kỷ trước sau Công nguyên<sup>6</sup>.

Trên các đảo thuộc tỉnh Kiên Giang đã phát hiện được nhiều di tích khảo cổ học, như: Cửa Cạn, sưu tập hiện vật đá tại doanh nghiệp Cội Nguồn (trên đảo Phú Quốc), di chỉ Bãi Ngự, Bãi Mun, Bãi Dong (đảo Thổ Chu); di chỉ Ấp 3, mộ chum-vò (đảo Hòn Tre), trống đồng Lại Sơn (đảo Lại Sơn) và các di tích trên đảo Nam Du thuộc huyện Kiên Hải. Điều đặc biệt là trong các di tích trên đảo Thổ Chu, ở di chỉ cư trú Bãi Ngự, đã phát hiện được các di tích, di vật, nhất là đồ gốm, vừa mang đặc trưng của thời đại Kim khí Nam Bộ vừa mang đặc trưng của giai đoạn tiền Óc Eo, có niên đại khoảng thế kỷ 5 trước Công nguyên đến một vài thế kỷ sau Công nguyên. Sưu tập đồ gốm thô, công cụ đá ở Ấp 3, Ấp 4 và Doanh nghiệp Cội Nguồn,...<sup>7</sup>, tương đương với các di chỉ Bãi Ngự trên đảo Thổ Chu và với văn hoá Bàu Tró, Sa Huỳnh, Lung Leng, khoảng thế kỷ 5 trước Công nguyên<sup>8</sup>.

Tại huyện đảo Kiên Hải đã phát hiện, điều tra và thám sát 04 di tích, gồm: những di tích mộ táng hang đá Hòn Tre, Ấp 3 (xã Hòn Tre), trống đồng Lại Sơn (xã ), Ấp Bãi Ngự (quần đảo Nam Du). Trong đó các di tích mộ chum trong các hang đá trên đảo Hòn Tre có niên đại khoảng thế kỷ 2-3 trước Công nguyên<sup>9</sup>. Cư dân di chỉ Ấp 3 có thể là chủ nhân của những ngôi mộ chum-vò này (?). Điều đặc biệt là, trên đảo Lại Sơn đã phát hiện ngẫu nhiên 1 trống đồng Đông Sơn, trong trống có xương chi người, 01 mũi lao đồng có ngạnh, 2 rìu đồng, 2 mảnh khuôn đúc lao, 1 mảnh gốm và một số đồ sắt. Đây có thể là mộ cải táng<sup>10</sup>, niên đại khoảng thế kỷ 3-4 trước Công nguyên.

### **3. Dấu tích của người Việt tại quần đảo Trường Sa**

#### **3.1. Quá trình phát hiện và khai quật**

Quần đảo Trường Sa có gần 100 đảo lớn nhỏ và bãi ngầm, trải dài trên diện tích gần 200.000km<sup>2</sup>. Trong quần đảo Trường Sa, Việt Nam có 21 đảo và 33 điểm đảo, trong đó có 3 đảo có diện tích trên 1km<sup>2</sup>, gồm đảo Trường Sa lớn, Nam Yết và Song Tử Tây, nằm ở vị trí trung tâm quần đảo. Trên các đảo lớn này có nhiều cây xanh, giếng nước ngọt, môi trường sinh thái thuận lợi cho cuộc sống của con người. Trên các đảo lớn còn có dấu vết của bia chủ quyền được Chính phủ Việt Nam Cộng hòa dựng năm 1956. 05 đảo nhỏ hơn, diện tích 0,5-1km<sup>2</sup>, gồm các đảo Sơn Ca, Sinh Tồn, Phan Vinh và Trường Sa Đông (Đá Đông) nằm ở phía Bắc quần đảo. 02 đảo diện tích dưới

<sup>5</sup> Nguyễn Trung Chiến, Đào Quý Cảnh, 2003: Khai quật địa điểm Cồn Miếu Bà, Cồn Đảo, Bà Rịa - Vũng Tàu 2002. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2002*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 278-280; Nguyễn Trung Chiến, Đào Quý Cảnh, 2003a: Ghi chú về một loại hình vò táng mới ở địa điểm Cồn Miếu Bà, Cồn Đảo, Bà Rịa-Vũng Tàu 2002. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2002*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 281-283.

<sup>6</sup> Nguyễn Trung Chiến, Đào Quý Cảnh: Khảo sát và phát hiện mới tại Cồn Đảo (Bà Rịa -Vũng Tàu). *Khảo cổ học*, số 3/2001, tr. 28-42; Nguyễn Trung Chiến, Đào Quý Cảnh: *Báo cáo khai quật khu mộ cổ Cồn Hải Đăng, Cồn Đảo, Bà Rịa- Vũng Tàu, năm 2002*. Tư liệu Viện Khảo cổ học.

<sup>7</sup> Lê Xuân Diệm, Phạm Hữu Công, 2009: Đồ đá tiền sử ven sông Cửa Cạn (Phú Quốc, Kiên Giang). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2008*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 266 - 268.

<sup>8</sup> Nguyễn Trung Chiến, Nguyễn Quang Miên, Nguyễn Văn Trung, Phạm Thanh Loan, 2010: Phát hiện mới về khảo cổ học tại huyện đảo Phú Quốc (Kiên Giang) năm 2008. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2009*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 192-193.

<sup>9</sup> Nguyễn Trung Chiến, Nguyễn Quang Miên, Nguyễn Chính Luận, Trần Hữu Thanh, 2011: Phát hiện mới về khảo cổ học tại Hòn Tre, Kiên Hải, Kiên Giang năm 2008. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2009*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 190-191.

<sup>10</sup> Nguyễn Duy Tỳ, 1984: Di tích Lại Sơn (Kiên Giang). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1984*. UBKHXX. Hà Nội, tr. 128.

0,5km<sup>2</sup>, gồm Đá Tây và Tóc Tan nằm ở phía nam quần đảo, hiện đã được bê tông hóa và nổi trên mặt biển, nhưng vốn chúng là đảo chìm khi nước biển cao.

Từ năm 1993, theo chỉ thị của cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt, Viện Khảo cổ học thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia (nay là Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam) đã triển khai chương trình khảo cổ học Trường Sa. Các đoàn cán bộ khảo cổ học đã phối hợp với Viện Khoa học Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam), Bảo tàng Khánh Hoà, và đơn vị Hải quân vùng IV, vùng V, tiến hành điều tra và khai quật khảo cổ trên các đảo Trường Sa Lớn, Nam Yết và Song Tử Tây (trong những năm 1993-1994); đảo Sơn Ca, Sinh Tồn, Phan Vinh (Hòn Sập), An Bang, Trường Sa Đông (Đá Đông), Tóc Tan, Đá Tây và đảo Sơn Ca (năm 1999). Tính chung trong 3 đợt, đã thám sát và khai quật trên 4 đảo (Trường Sa Lớn, Nam Yết, Sơn Ca, Sinh Tồn) với tổng diện tích khai quật là 183m<sup>2</sup>. Trên các đảo còn lại: Phan Vinh (Hòn Sập), An Bang, Trường Sa Đông (Đá Đông), Tóc Tan và Đá Tây, đoàn nghiên cứu tiến hành điều tra, quan sát địa tầng các hố đào sẵn và thu lượm hiện vật trên mặt đất<sup>11</sup>.

Các đảo được thám sát và khai quật đều là các đảo san hô, có dáng hình vành khăn. Đất trên của các đảo đều được hình thành bằng vụn san hô, có cấu tạo nhiều lớp: Trên cùng là đất canh tác, ở một số đảo, lớp này ngoài vụn san hô, mùn thực vật, còn có đất sét mang từ đất liền ra. Lớp giữa là đất văn hoá, được cấu tạo từ vụn san hô, phân chim, mùn thực vật có màu đen, tối sẫm, hiện vật khảo cổ thường phát hiện ở lớp này; Dưới cùng là vụn san hô màu trắng, không có vết tích cư trú.

Trong 4 đảo được khai quật đều có tầng văn hoá là đất mùn màu đen, trong chứa hiện vật khảo cổ. Tuy nhiên, độ dày lớp văn hoá ở mỗi đảo khác nhau. Tầng văn hoá trong hố khai quật trên đảo Trường Sa Lớn, dày 20cm; trên đảo Nam Yết, dày 20cm-30cm; trên đảo Sơn Ca, dày 10cm-15cm; trên đảo Sinh Tồn, dày 20cm-40cm.

Quan sát những nơi tầng văn hoá còn tương đối ổn định, kết hợp với thống kê hiện vật có thể thấy được có 2 giai đoạn phát triển khác nhau. Giai đoạn sớm tương đương với các di tích của văn hoá Sa Huỳnh muộn - Champa sớm, có niên đại khoảng một vài thế kỷ đầu Công nguyên. Giai đoạn muộn trong khoảng thời gian khá dài, từ thế kỷ 13 - 14 cho đến đầu thế kỷ 20.

### **3.2. Văn hoá vật chất của người Việt tại quần đảo Trường Sa**

Những hiện vật phát hiện được trên các đảo thuộc quần đảo Trường Sa có số lượng khá lớn, phong phú về chất liệu và loại hình. Tổng số hiện vật thu được trong các đợt điều tra, khai quật là 498 hiện vật. Trong đó, gốm thô: 33 hiện vật, chiếm 6,62%; đồ gốm sứ các loại: 236 hiện vật, chiếm 48,00%; đồ sành: 212 hiện vật, chiếm 42,57%; mũi ngói: 1 hiện vật, chiếm 0,20% và tiền kim loại thời Nguyễn: 16 đồng, chiếm 3,21%.

*Gốm thô* phát hiện được ở đảo Trường Sa Lớn, chủ yếu là các mảnh vỡ (30 mảnh), 1 chì lưới và 2 hiện vật hình đĩa. Trong 30 mảnh gốm thô, có 24 mảnh màu xám, sẫm, được làm từ đất sét pha cát, xương thô, nhẹ, độ nung chưa cao. Những đồ gốm này giống với gốm thô các di tích văn hoá Sa Huỳnh thuộc thời đại Kim khí trong

---

<sup>11</sup> Nguyễn Văn Hào, 1996: Phát hiện khảo cổ học trên quần đảo Trường Sa và các quần đảo phía nam Việt Nam. *Khảo cổ học*, số 4, tr. 11- 15; Nguyễn Mạnh Cường, Dương Trung Mạnh, 1996: Khảo cổ học Trường Sa: Tư liệu và suy nghĩ. *Khảo cổ học*, số 4, tr. 16 - 25.

các di chỉ ven biển miền Trung Việt Nam, như các di tích Bãi Ông (Cù Lao Chàm, tỉnh Quảng Nam), Xóm Ốc, Suối Chình (đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi); Hòn Tre (tỉnh Khánh Hòa), đảo Phú Quý (tỉnh Bình Thuận).

Chiếc chì lưới hình bầu dục, hai đầu vê tròn, màu đỏ, có khắc rãnh ở thân để buộc lưới. Kích thước: dài 5cm, rộng 3,5cm, dày 1,3cm.

Hai hiện vật hình đĩa nhỏ, trong đó 1 hiện vật để trơn, 1 hiện vật ở phần đế có trang trí hoa văn khá phức tạp, đã phát hiện được đồng loại tại di chỉ Trà Kiệu, thuộc văn hoá Champa.

*Đồ gốm sứ* thu được 236 hiện vật, với nhiều màu men và thuộc nhiều niên đại khác nhau từ thế kỷ 6 đến đầu thế kỷ 20. Theo dòng men và hoa văn trang trí có các loại như sau:

Men tro (100 hiện vật), trong đó có 10 hiện vật men tro màu xanh nhạt và 25 hiện vật men tro rạn do thời gian, niên đại thế kỷ 6-10. Men tro, màu lam vẽ dưới men (41 hiện vật) chủ yếu là bát, đĩa, được làm từ cao lanh, xương trắng, mỏng. Đây là loại gốm sứ cao cấp, thế kỷ 13-15. Men tro màu trứng gà, trong lòng có dấu con kê, xương gốm dày, không trang trí hoa văn (24 hiện vật) đều ở đảo Nam Yết, thế kỷ 17-18.

Men vàng chanh, thế kỷ 14-15: 13 mảnh ở đảo Nam Yết, trong lòng có dấu con kê, thân có hoa văn khắc chìm. Xương gốm dày, màu xám trắng, độ nung thấp, khoảng 800- 900°C.

Gốm hoa lam thế kỷ 15-18: 80 hiện vật, phát hiện trong hố khai quật ở đảo Trường Sa Lớn, gồm bát, đĩa, cốc, chén. Xương gốm trắng, mỏng, nhẹ. Hoa văn trang trí chủ yếu là hoa dây, cánh sen, có nguồn gốc từ miền Bắc Việt Nam

Ngoài ra, còn 10 mảnh gốm men trắng vẽ chỉ lam quanh miệng, thuộc sứ Đồng Nai-Biên Hoà hiện đại thu lượm trong đợt II.

Gốm men trắng thế kỷ 19-20: 33 hiện vật. Trong đó có 20 hiện vật thu lượm trên mặt đất đảo Song Tử Tây (đợt I) và 13 hiện vật thu lượm trong đợt II.

*Đồ sành*: 212 hiện vật đều là các mảnh vỡ, trong đó trên đảo Trường Sa Lớn thu được 60 hiện vật; đảo Nam Yết: 152 hiện vật. Đồ sành gồm 2 loại: men da lươn: 17 hiện vật và không men 195 hiện vật. Đặc biệt là có nhiều Đồ sành thời Trần có đặc điểm giống với đồ sành phát hiện tại thương cảng Vân Đồn (Quảng Ninh), thuộc vùng biển đông bắc Việt Nam.

*Mũi ngói:* 1 mảnh, phát hiện trong hố khai quật trên đảo Trường Sa Lớn, màu nâu đỏ, chỉ còn phần mũi phẳng, cong tròn.

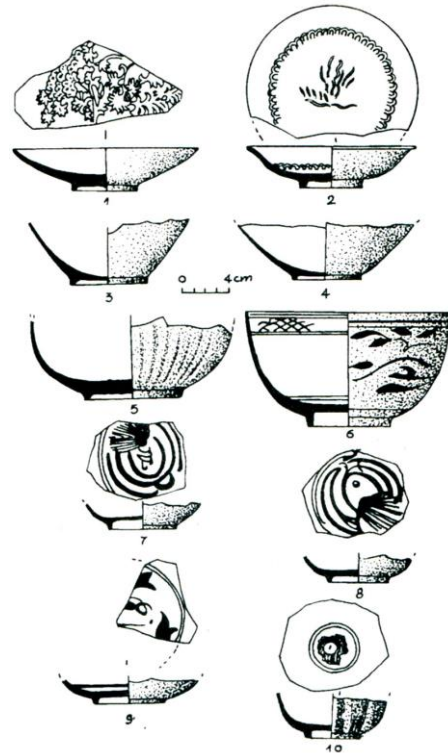
*Tiền kim loại:* 16 đồng hình tròn, lỗ vuông, đều phát hiện trên đảo Song Tử Tây, thuộc tiền thời Minh Mạng và Tự Đức.

Như vậy, hiện vật phát hiện được trên các đảo thuộc quần đảo Trường Sa có số lượng khá lớn, phong phú về loại hình và chất liệu.

Đồ gốm thô gần gũi với các di tích văn hoá Sa Huỳnh muộn (Sa Huỳnh, Động Cườm, Tăng Long...) và Champa sớm (Trà Kiệu, Gò Cẩm).

Đồ gốm sứ có 2 loại chính, không hoa lam và hoa lam. Gốm không hoa lam bên ngoài phủ men tro, xương thô, có niên đại khoảng thế kỷ 6 - 10.

Đồ sứ hoa lam cùng nằm trong địa tầng với các hiện vật khác, rất gần gũi với hiện vật ở các di chỉ: Xuân Giang (Nghị Xuân-Hà Tĩnh), Hợp Lễ (Hải Dương), Vân Đồn (Quảng Ninh), có niên đại khoảng thế kỷ 14 và 15-18. Ngoài ra, còn có một số mảnh thuộc sứ Đông Nai-Biên Hoà cuối thế kỷ 19 - đầu thế kỷ 20.



**Đồ gốm sứ phát hiện trên đảo Trường Sa Lớn và Nam Yết** (Nguồn: Viện Khảo cổ học)

## CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM TẠI BIỂN ĐÔNG

### 1. Từ định hướng biển của cư dân tiền-sơ sử...

1.1. Trong số các tỉnh ven biển miền Nam nước ta, khảo cổ học đã phát hiện được 15 di tích tập trung ở hai khu vực thuộc huyện đảo Côn Đảo (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) và huyện đảo Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang). Đây cũng là hai quần đảo lớn nhất khu vực Đông và Tây Nam Bộ. Ở hai quần đảo này, trên các đảo lớn Côn Lôn (Côn Đảo) và Thổ Chu (Phú Quốc) đều có địa hình với thung lũng hình bán nguyệt rộng lớn hướng mở ra biển, những đặc điểm địa lý, khí hậu tương đồng. Hai khu vực này đều có vị trí đặc biệt quan trọng án ngữ trục giao thông huyết mạch trên biển giữa bắc-nam và đông-tây của Biển Đông và vùng biển Tây Nam. Những đặc điểm sinh thái nhân văn này đã quy định cuộc sống của các cộng đồng cư dân trên đảo từ hàng nghìn năm trước cho tới nay, đồng thời cũng lý giải hiện tượng phân bố đậm đặc của các di tích khảo cổ học từ sơ kỳ thời đại Kim khí - sơ kỳ thời đại Sắt ở đây.

Tuy còn dừng ở những mức độ phát hiện nghiên cứu khác nhau, nhưng chúng ta đã thấy hầu hết các quần đảo tiền tiêu và đảo ven bờ vùng biển miền Nam Việt Nam đều đã phát hiện được những địa điểm cư trú và địa điểm mộ táng ở giai đoạn cuối thời đại Kim khí - sơ kỳ thời đại đồ Sắt đến những thế kỷ đầu Công nguyên. Đó là những bằng chứng thực tiễn và dấu hiệu khoa học không thể phủ nhận về sự chiếm lĩnh, cư trú, làm chủ biển đảo vùng biển miền Nam Việt Nam của người Việt cổ.

Riêng về khảo cổ học, việc phát hiện được di chỉ cư trú, bên cạnh những khu mộ địa cổ như ở Côn Đảo, Thổ Chu và nhiều hơn là mộ táng Sa Huỳnh ở giai đoạn sơ kỳ thời đại Sắt nói chung đã cho thấy, cư dân loại hình hải đảo trên vùng biển miền Nam Việt Nam đã tạo nên một mô hình nhận thức đầy đủ hơn, tạo những tiền đề nghiên cứu sâu rộng hơn không chỉ ở nhóm di chỉ hải đảo mà với cả giai đoạn tiền sử muộn của miền Trung - miền Nam và cả Việt Nam.

Nhóm cư dân tiền sử-sơ sử trên các hải đảo vùng biển miền Nam Việt Nam có những đặc trưng cơ bản của văn hóa Sa Huỳnh, như không gian văn hóa gồm không gian cư trú trên cồn, cạnh bãi, vụng biển, suối ở ven biển, đảo; về văn hóa vật chất: công cụ đá, gốm màu thổ hoàng; về táng tục chôn quan tài vò, chum trên cồn cát, bãi cát ở giai đoạn sơ kỳ thời đại Sắt... Hơn nữa, việc sử dụng nhiều loại công cụ đá mà chủ yếu là bôn cước hình răng trâu, chôn mộ bằng quan tài chum-vò cũng là đặc trưng của văn hóa hậu kỳ thời đại Đồng và sơ kỳ thời đại Sắt ở Bắc Tây Nguyên, mà điển hình là vùng Kon Tum và văn hóa Lung Leng. Và như vậy, không loại trừ một khả năng rất thực tế là sự tham gia của cư dân Bắc Tây Nguyên như Lung Leng vào việc tạo dựng văn hóa Sa Huỳnh điển hình ven biển và hải đảo miền Trung và loại hình Sa Huỳnh hải đảo vùng ven biển miền Nam Việt Nam. Con đường thứ hai có thể là theo hệ thống sông Mekong xuống vịnh Thái Lan vào Phú Quốc-Thổ Chu. Quá trình từ miền núi xuống đồng bằng ra biển từ phía tây và từ vùng cao nguyên xuống sông Mekong ra biển, có lẽ là hai trong ba ngã đường từ bắc xuống nam của cư dân Sa Huỳnh ven biển miền Trung cũng như quá trình lan tỏa xuống phương Nam của văn hóa Đông Sơn. Đó là những hợp nguồn tạo dựng sắc thái văn hóa hải đảo phương Nam của văn hóa Sa Huỳnh. Để đến lượt mình, nhóm cư dân này cũng là một trong những nguồn tạo dựng văn hóa Óc Eo và văn minh phía nam. Tư liệu di vật và địa tầng ở Thổ Chu là những minh chứng cho quá trình này<sup>12</sup>.

1.2. Một cách tự nhiên, do đòi hỏi của cuộc sống mà ngay từ rất sớm người xưa trên đất Việt Nam đã rất quan tâm và phát triển mối giao lưu kinh tế-văn hóa giữa rừng và biển. Điều này, đã trở thành một văn hóa đặc trưng của khu vực, đặc biệt là trong các cộng đồng cư dân khu vực miền Trung và nam Trung Bộ nước ta. Ở đó, địa hình đất liền phân thành ba tiểu vùng rõ rệt: vùng núi cao - Tây Nguyên; đồng bằng và vùng ven biển - hải đảo.

Điều kiện tự môi trường trong mỗi tiểu vùng có những nét khác nhau, từ đó đã dẫn đến những thói quen, tập quán sinh hoạt kinh tế văn hóa khác nhau, song không biệt lập nhau mà luôn có những mối liên kết cộng sinh mạnh mẽ. Bởi vì, khoảng cách địa lý giữa rừng và biển ở nước ta không xa lắm, phần lớn chỉ khoảng vài chục km, thêm vào đó là hệ thống sông ngòi khá dày đặc. Sông ở đây chủ yếu chảy theo hướng tây-đông, có nghĩa là xuôi theo các dòng sông người dân miền núi có thể ra đến biển và ngược theo dòng sông các sản phẩm của biển dễ dàng lên đến rừng.

1.3. Trong nhiều di chỉ thường thấy những sản phẩm được sản xuất bởi những cơ sở chuyên nghiệp chứng tỏ rằng ngay từ thời tiền sử giao lưu trên biển đã khá phát triển. Chẳng hạn theo dấu vết của những quan tài gốm hình trụ, hình trứng, hình cầu,... của cư dân văn hoá Sa Huỳnh ven biển miền trung, miền nam, hay trên đảo Lý Sơn, đảo Thổ Chu, đảo Hòn Tre hoặc những chiếc trống đồng Đông Sơn trong khu

---

<sup>12</sup> Lại Văn Tới, 2013: Thời Tiền-sơ sử trên các đảo ven biển miền Nam Việt Nam. Trong *Người Việt với biển*, Nxb Thế Giới, Hà Nội, tr. 75-94.



vực có thể thấy rằng từ thời xa xưa, hoạt động giao lưu thương mại trên Biển Đông cũng đã phát triển.

Ngay từ thời tiền sử, người xưa trong khu vực cũng đã là những người đi biển giỏi. Trong các lớp văn hoá ở những di tích hải đảo ven biển nói chung, ven biển miền Nam nước ta nói riêng, cả về văn hoá vật chất, tinh thần đều cho thấy, những cộng đồng cư dân sinh sống bằng nghề khai thác các nguồn lợi biển khác đậm nét ở nhiều đảo, như: đảo Lý Sơn, Côn Đảo, Thổ Chu, Phú Quốc...

Trên đảo Palawan thuộc quốc gia biển Philippin, các nhà khảo cổ Philippin đã tìm thấy dấu tích của văn hoá Sa Huỳnh, trong đó có cả khuyên tai hai đầu thú. Phát hiện này cho thấy sức lan toả mạnh mẽ của văn hoá Sa Huỳnh. Nhiều dụng cụ đi biển, những di vật được làm từ xương, vỏ nhuyễn thể biển, hình thuyền trên trống đồng Đông Sơn cho thấy định hướng biển, khai thác biển, định cư và làm chủ trên các đảo thuộc lãnh hải Việt Nam tại Biển Đông được người Việt cổ triển khai từ rất sớm và còn để lại các di tích, di vật khảo cổ học niên đại từ 4-5 thế kỷ trước Công nguyên cho đến nay.

Nghiên cứu về những trống đồng Đông Sơn hay những chiếc khuyên tai hai đầu thú bằng ngọc hay bằng thủy tinh tìm thấy ở các quốc gia khác trong vùng, nhiều học giả cho rằng, hầu hết các trống loại Heger I có ở Indonesia là đã được nhập từ Bắc Việt Nam thời Đông Sơn (có thể muộn hơn một chút). Chứng tỏ ngay từ thời tiền sử, giao thương giữa các khu vực trong Biển Đông đã rất phát triển. Theo các con đường giao lưu thương mại trên biển mà những chiếc trống đồng Đông Sơn, những chiếc khuyên tai hai đầu thú đó được mang đi khắp Đông Nam Á. Đến nay, cư dân cổ trong nhiều vùng ở Indonesia, đặc biệt là dân Toraja vẫn còn giữ truyền thống Đông Sơn. Ngày nay họ vẫn còn làm các đồ vật với hoa văn trang trí thuần nét Đông Sơn, họ vẫn ở trong những ngôi nhà được dựng đúng theo hình trên trống đồng Đông Sơn và những quan tài đưa người chết về thế giới bên kia vẫn được làm theo hình dáng chiếc thuyền Đông Sơn.

1.4. Những tư liệu vật thật của khảo cổ học trên cho thấy, ở ven biển miền Nam Việt Nam trên đất liền cũng như trên các hải đảo đã có cư dân sinh sống liên tục từ thời tiền-sơ sử cho đến ngày hôm nay. Điều đó cũng cho thấy tầm quan trọng của biển đảo từ xưa đến nay cũng như lâu dài trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Điều quan trọng đặc biệt là những tư liệu này là vô giá khẳng định chủ quyền lãnh thổ và lãnh hải quốc gia.

## **2. ...Đền sự có mặt liên tục của Người Việt tại quần đảo Trường Sa**

Khảo cổ học đã tiến hành điều tra khảo cổ quần đảo Trường Sa vào năm 1993 - 1994, khai quật có hệ thống trên đảo Trường Sa Lớn, Nam Yết vào năm 1995 và đảo Sơn Ca vào năm 1999. Các đảo khác đều được điều tra và thu lượm hiện vật trên mặt. Những tư liệu khảo cổ học thu được, chúng ta có thể khẳng định sự có mặt liên tục của người Việt Nam trên các hòn đảo thuộc quần đảo Trường Sa.

2.1. Trên đảo Trường Sa Lớn, chúng ta đã phát hiện được những mảnh gốm thô có chất liệu, màu sắc, kỹ thuật chế tác tương tự như đồ gốm văn hoá Sa Huỳnh-một văn hoá thời đại Sắt phân bố rộng ở đất liền, miền nam Trung Bộ, Tây Nguyên, có niên đại tương đương với văn hoá Đông Sơn ở Bắc Bộ và văn hoá Dốc Chùa ở Nam Bộ. Những nghiên cứu khảo cổ học còn cho biết, trên đảo Palawan, một hòn đảo thuộc Philippin, gần đảo Trường Sa, các nhà khảo cổ học Philippin đã tìm thấy di tích văn

hoá Sa Huỳnh, trong đó có khuyên tai hai đầu thú. Văn hoá Sa Huỳnh đã lan toả đến Phillippin thì gốm Sa Huỳnh có mặt ở Trường Sa là hiển nhiên.

2.2. *Đồ gốm sứ Việt Nam* đã phát hiện được trên đảo Trường Sa Lớn và Nam Yết, có niên đại kếp dài, thuộc 2 giai đoạn: trước thế kỷ 15 và sau thế kỷ 15 đến thế kỷ 18. Nhóm có niên đại trước thế kỷ 15, có đặc trưng là hoa văn khắc chìm dưới men. Men phủ bên ngoài có màu vàng chanh, trôn có bôi sôcôla mà số lượng không nhỏ có nguồn gốc từ Bắc Việt Nam. Nhóm có niên đại muộn, tập trung vào các thế kỷ 17-18, chủ yếu là sứ hoa lam, được làm từ cao lanh, bên ngoài phủ men tro, màu lam vẽ chìm dưới men.

2.3. *Trên đảo Nam Yết và Song Tử Tây*, qua điều tra đã thu được 16 đồng tiền thời Nguyễn, có niên hiệu Minh Mạng và Tự Đức. Sự có mặt của tiền kim loại thời Nguyễn trên các đảo này, rất phù hợp với những ghi chép của Lê Quý Đôn trong *Phủ Biên tạp lục*, viết năm 1776. Theo Lê Quý Đôn, các chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã lập những đội Hoàng Sa và Bắc Hải để đến các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, Côn Lôn cũng như các đảo ở Hà Tiên để thu hải sản và các sản vật của những tàu đắm. Tuy nhiên, với các hiện vật thu được trong các hố khai quật ở Trường Sa, cho thấy sự có mặt của người Việt Nam trên các đảo này còn sớm hơn nhiều, ít ra là từ cuối thời Trần<sup>13</sup>.

2.4. *Những tư liệu khảo cổ học* trên quần đảo Trường Sa và các đảo ven bờ đã đưa lại những kết quả to lớn. Chúng ta có thể khẳng định rằng, đã tìm thấy những chứng cứ khoa học hiển nhiên về các hoạt động trên biển cả của cư dân tiền sử Việt Nam cũng như của người Việt Nam trong lịch sử. Cách ngày nay từ 2000-2500 năm họ đã sớm có định hướng biển, chinh phục, cư trú, khai thác và làm chủ các quần đảo thuộc lãnh hải Việt Nam tại Biển Đông. Những tư liệu này cũng hiển nhiên góp phần khẳng định chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải của Việt Nam tại Biển Đông.

## MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG KHẢO CỔ HỌC TRÊN QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA



Thủ tướng Võ Văn Kiệt trực tiếp chỉ đạo Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia (nay là Viện Hàn lâm KHXHVN) thực hiện 3 chương trình khoa học: Khảo cổ học Trường Sa, Tây Nguyên và Nam Bộ, năm 1993  
(Nguồn: Viện Khảo cổ học)

<sup>13</sup> Hà Văn Tấn, 1996: Nhận xét kết quả các chương trình khảo cổ học Trường Sa, Tây Nguyên, Nam Bộ. *Khảo cổ học*, số 4, tr. 5-10.



1



2



3



4

Khai quật khảo cổ học trên đảo Trường Sa Lớn (1) và Nam Yết (2-3-4) thuộc quần đảo Trường Sa  
(Nguồn: Viện Khảo cổ học)



5



6



7



8



9



10

Đồ gốm - sứ (5 - 9) và đầu ngói (10) phát hiện trên đảo Trường Sa Lớn và Nam Yết  
(Nguồn: Viện Khảo cổ học)